TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 02/8/2019.
V/v: " Yêu cầu ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Thân.
Bà Trịnh Thị Mai Hương.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên toà: ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 269/2019/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, về việc: " Yêu cầu ly hôn ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày: 28/6/2019, quyết định hoãn phiên toà số: 69/2019/QĐST – HNGĐ ngày: 16/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh năm: 1991 – (Có mặt).
HKTT: 79X3, khu phố LP, TT LĐ, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Nguyễn Thanh Lâm B, sinh năm: 1984 – (Vắng mặt).
HKTT: tổ 17, khu phố PT, TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2019, bản khai, biên bản về việc không tiến hành hoà giải được trong quá trình tố tụng tại Tòa án, và tại phiên toà. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh M trình bày: chị M kết hôn với anh B vào tháng 10/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND TT PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có tổ chức lễ cưới, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã hoà giải, dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị M yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: có 01 con chung là: Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 15/4/2013. Hiện nay đang sống cùng với anh B. Nếu ly hôn chị M đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu).

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên toà hôm nay chị M vẫn giữ nguyên ý kiến: Yêu cầu ly hôn với anh B, đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu). Cấp dưỡng vào ngày 28 hàng tháng. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Anh Nguyễn Thanmh Lâm B dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh B vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập hợp lệ là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: yêu cầu của chị Nguyễn Thị Quỳnh M đối với anh Nguyễn Thanh Lâm B là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Quỳnh M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị M ly hôn với anh Nguyễn Thanh Lâm B. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị M và anh B là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 06) nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị M trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã hoà giải, dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 26). Điều đó chứng tỏ: giữa chị M và anh B không còn yêu thương, tôn trọng, chia sẻ lẫn

nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị M. Về hôn nhân chị M được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: có 01 con chung là: Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 15/4/2013. Hiện nay đang sống cùng với anh B. Nếu ly hôn chị M đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu). Cấp dưỡng vào ngày 28 hàng tháng.

Xét thấy: từ ngày ly thân đến nay cháu N được anh B nuôi dưỡng, nếu giao cháu N cho chị M nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn nếp sống, sinh hoạt bình thường của cháu. Vì vậy, việc chị M để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là phù hợp. Do đó, giao cháu N cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: mặc dù anh B không có mặt nên không biết anh B có yêu cầu cấp dưỡng hay không. Tuy nhiên, chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu), đây là sự tự nguyên của chị M, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị M.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị M trình bày là không có, nhưng anh B không có mặt nên không kiểm chứng được lời trình bày của chị M có đúng hay không. Vì vậy, HĐXX không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị M phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Quỳnh M đối với anh Nguyễn Thanh Lâm B.

[1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Quỳnh M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Lâm B.

[2] Về con chung: có 01 con chung là: Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 15/4/2013. Hiện nay đang sống cùng với anh B.

Anh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu). Cấp dưỡng vào ngày 28 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị M được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc chị M và anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: chị M phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST và 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị M đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0008081 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị M phải nộp thêm 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.
- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND TT PB.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn